

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 49 /2023/DS-ST

Ngày 12 / 8 /2023.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và bảo lãnh ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên

- **Hội thẩm nhân dân:**

[1]. Ông Trần Đức Hòa ;

[2]. bà Lê Thị Thận ;

- **Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/ DS- ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh* ” . Theo Quyết định đưa ra xét xử số 55 /2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị K L; sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Th N, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Nguyễn Thị T L; sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 12, xã Th N, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

chị Trần Th Đ; sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 12, xã Th N, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/05/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 06/9/2021 Tôi có cho cô Trần Th Đ vay số tiền 250.000.000đ, khi vay có viết giấy tay, các bên ký nhận, thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 27/2/2022 sẽ trả, tuy nhiên quá thời hạn ngày 27/2/2022 đến nay vẫn chưa trả.

Trong giấy vay tiền, cô Nguyễn Thị T L cam kết nếu đến ngày 27/2/2022 mà cô Đào không trả thì cô Nguyễn Thị T L chịu trách nhiệm trả nợ thay lý do tôi không quen biết gì cô Đào, tôi không tin tưởng cô Đào nhưng cô Nguyễn Thị T L là cháu tôi, đồng thời là em chồng của cô Đào, cô Lan nói tôi cho cô Đào vay tiền, cô Lan cam kết trả nợ

thay nếu cô Đào không trả được, vì vậy tôi mới cho cô Đào vay tiền, nhưng đến nay cô Nguyễn Thị T L vẫn không trả nợ theo cam kết.

vào ngày 01/5/2022 cô Đào có trả được số tiền 12.000.000đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn cô Nguyễn Thị T L trả tiền gốc 238.000.000đ và tiền lãi từ ngày 28/2/2022 đến nay theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T L trình bày: Vào ngày 06/9/2021 cô Đào có vay của bà Liên số tiền là 250.000.000đ Tôi có biết, bà Đào hẹn trả trong vòng 1 tháng và bà Đào nói Tôi ký vào giấy cam kết trả nợ thay cho bà Đào nếu bà Đào không trả được nợ cho bà Liên và đồng thời, bà Đào sẽ sang nhượng cho tôi 1 ha đất, Tôi không đồng ý nhưng bà Liên ép buộc Tôi phải ký vào giấy vì Tôi giới thiệu bà Đào đến gặp bà Liên để vay tiền, vì vậy tôi có viết giấy cam kết nhận trả nợ thay nếu bà Đào không trả được nợ cho bà Liên. Nay nguyên đơn yêu cầu Tôi trả nợ Tôi không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Th Đ trình bày: Tôi có vay tiền của nguyên đơn, số tiền, thời gian vay, thời hạn trả là đúng, khi vay không thỏa thuận về lãi suất, trong giấy có ghi tên anh Thiệu nhưng thực chất anh Thiệu không vay, vào ngày 01/ 05/2022 tôi có trả tiền gốc 12.000.000đ, ngoài ra bà Liên có cầm của chị một chiếc xe gắn máy biển số 93P2- 67890, vì xe chưa nhận giấy tờ (mua trả góp) nên không yêu cầu tòa án giải quyết, em Nguyễn Thị T L có cam kết trả nợ thay là đúng, tuy nhiên hiện nay chị có ý kiến chị sẽ đứng ra trả nợ cho bà Liên nhưng không xác định thời hạn trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " *Hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh* ".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc và lãi.

Xét thấy các bên đều thừa nhận giấy vay tiền ngày 06/9/2021 mà nguyên đơn cung cấp là đúng, chị Trần Th Đ có vay tiền của chị Lê Thị K L số tiền 250.000.000đ, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/2/2022, ngày 01/ 05/2022 chị Trần Th Đ mới trả chị Lê Thị K L số tiền 12.000.000đ, số tiền còn nợ là 238.000.000đ.

Về tiền lãi, khi vay không thỏa thuận về lãi suất, vì vậy cần áp dụng khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, mức lãi suất 0,83%/1 tháng cụ thể :

Từ ngày 28/2/2022 đến ngày 30/4/2022 là 2 tháng 2 ngày của số tiền 250.000.000đ.
 $250.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 2 \text{ tháng} 2 \text{ ngày} = 2.213.333đ.$

Từ ngày 01/5/2022 đến nay 12/8/2023 là 15 tháng 11 ngày của số tiền 238.000.000đ

$238.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 15 \text{ tháng} = 30.355.313đ.$

Tổng cộng nợ cả gốc và lãi là 270.568.646đ.

Xét việc bảo lãnh trả nợ, theo giấy vay tiền và lời khai các bên đều thừa nhận, đến ngày 27/2/2022 mà chị Trần Th Đ không trả được nợ cho chị Liên thì chị Nguyễn Thị T L có trách nhiệm trả nợ thay cho chị Đào, hiện nay chị Đào chưa trả hết nợ cho chị Liên.

Chị Nguyễn Thị T L cho rằng mình bị ép buộc, buộc phải viết giấy cam kết trả nợ thay nhưng chị không có gì chứng minh mình bị ép buộc.

Theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh như sau:

- Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.

Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi là 270.568.646đ, chị Trần Th Đ không trả được nợ cho chị Liên nên chị Nguyễn Thị T L có nghĩa vụ trả nợ thay là có căn cứ.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T L trả cho nguyên đơn chị Lê Thị K L số tiền tổng cộng cả gốc và lãi là 270.568.646đ.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị T L nộp án phí theo luật định là 13.528.432đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Lê Thị K L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.532.500đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 342, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T L trả cho nguyên đơn chị Lê Thị K L số tiền gốc 238.000.000đ, tiền lãi tổng 32.568.646đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 270.568.646đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T L nộp tiền án phí DSST là 13.528.432đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Lê Thị K L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.532.500đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001116 ngày 05/7/2023.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

